

Trong nền kinh tế thị trường, giá cả nổi chung và tỷ giá nổi riêng thường xuyên biến động. Sự biến động tỷ giá có thể đem lại cho ngân hàng một khoản lợi nhuận khổng lồ, nhưng cũng chính nó có thể đưa ngân hàng đến bờ vực phá sản. Vì vậy, trong quản lý, các nhà kinh doanh tiền tệ luôn quan tâm đến tính nhạy cảm của nó để có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm kiểm soát và phòng ngừa rủi ro hối đoái.

Mục đích của việc quản lý rủi ro tỷ giá hối đoái là nhằm giảm đến mức thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra khi tỷ giá biến động. Cụ thể, trong ngắn hạn, chi phí phòng tránh rủi ro phải nhỏ hơn những thiệt hại có thể xảy ra nếu không có biện pháp chống đỡ. Trong dài hạn, chi phí quản lý rủi ro phải nhỏ hơn nhiều so với tổn thất mà sự biến động tỷ giá có thể gây ra.

Trong quản lý rủi ro tỷ giá hối đoái bao gồm hai bước: một là, kiểm soát thường xuyên trạng thái ngoại hối và xác định mức thiệt hại có khả năng xảy ra nếu tỷ giá biến động; hai là, thiết lập và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro.

I. GIAI ĐOẠN 1: XÁC ĐỊNH TRẠNG THÁI NGOẠI HỐI VÀ TÍNH TOÁN MỨC TỔN THẤT.

Trạng thái ngoại hối thuần của một loại ngoại tệ tại một thời điểm được xác định như sau:

$$\text{Trạng thái ngoại hối thuần của ngoại tệ } i = \left(\begin{matrix} \text{Tài sản} \\ \text{Có} \\ \text{ngoại tệ } i \end{matrix} \right) - \left(\begin{matrix} \text{Tài sản} \\ \text{nợ} \\ \text{ngoại tệ } i \end{matrix} \right) + \left(\begin{matrix} \text{Doanh số mua} \\ \text{kỳ hạn} \\ \text{ngoại tệ } i \end{matrix} \right) - \left(\begin{matrix} \text{Doanh số bán} \\ \text{kỳ hạn} \\ \text{ngoại tệ } i \end{matrix} \right)$$

Thạc sĩ LÊ PHAN DIỆU THẢO

Nếu trạng thái ngoại hối thuần của ngoại tệ $i > 0$: ngân hàng sẽ ở trường thế (long position) về ngoại tệ i . Trong trạng thái này, ngân hàng sẽ bị rủi ro khi ngoại tệ này giảm giá.

Nếu trạng thái ngoại hối thuần của ngoại tệ $i < 0$, ngân hàng sẽ ở đoản thế (short position) về ngoại tệ này và ngân hàng sẽ bị tổn thất khi đồng tiền i tăng giá.

Nếu trạng thái ngoại hối thuần của ngoại tệ $i = 0$, ngân hàng cân đối được rủi ro tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, đây là tình huống rất đặc biệt và nếu có thì nó cũng không thể tồn tại lâu; bởi vì, trong thực tế tài sản có và tài sản nợ của ngân hàng luôn biến động theo những mức độ và chiều hướng khác nhau.

Ví dụ:

Bảng xác định trạng thái ngoại hối thuần của ngân hàng thương mại A.

Ngoại tệ	Tài sản có (1)	Tài sản nợ (2)	Mua kỳ hạn (3)	Bán kỳ hạn (4)	Trạng thái ngoại hối thuần (1-2) + (3-4)
USD(ng)	2046	2591	1059	872	-358
DM(tr)	1244	1268	1094	904	+166
JPY (tr)	1549	1207	3602	3721	+223
FRF (tr)	4019	3927	2648	2650	+90

Để đo lường mức độ ảnh hưởng của tỷ giá đến thu nhập, các nhà quản lý ngân hàng áp dụng công thức sau:

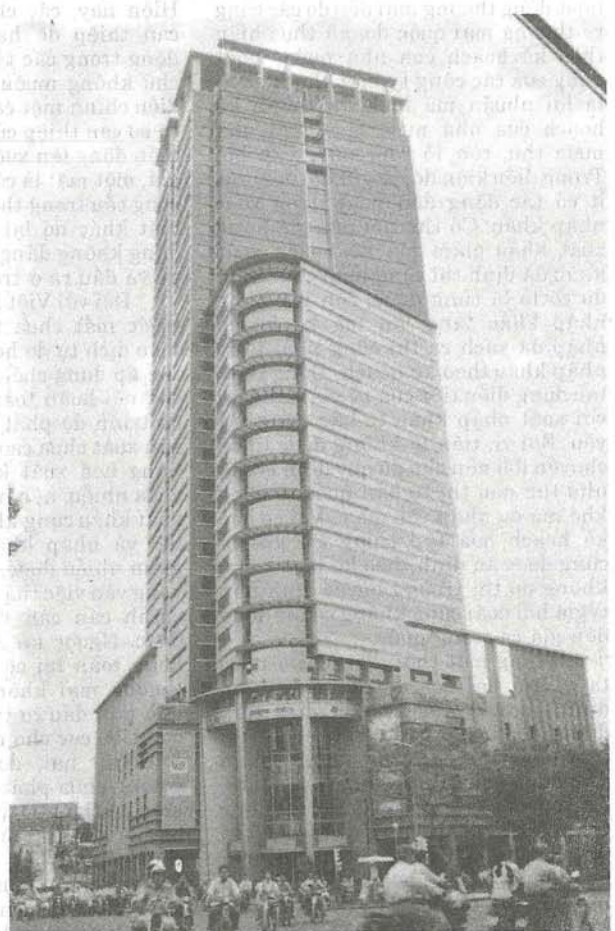
$$\text{Lãi (lỗ) đối với ngoại tệ } i = \text{Trạng thái ngoại hối thuần của ngoại tệ } i \times \text{Mức tăng (giảm) tỷ giá ngoại tệ } i$$

Giả sử, tỷ giá (VND/ USD) tăng từ 13.500 lên 14.000, thì ngân hàng A lỗ:

$$(-358.000 \text{ USD}) \times (+500 \text{ VND/USD}) = - 179.000.000 \text{ VND}$$

Công thức này giúp các ngân hàng định lượng trực tiếp khoản thiệt hại (nếu có) do tỷ giá biến động. Khoản thiệt hại này phải nằm trong giới hạn cho phép của từng ngân hàng thương mại trong từng thời kỳ nhất định.

VÀI SUY NGHĨ VỀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI HIỆN NAY



Ảnh Trần Vũ

Khi nghiên cứu trạng thái ngoại hối, các nhà quản trị ngân hàng nên quan tâm đến các vấn đề sau:

(1) Để đo lường và hạn chế rủi ro, các nhà lãnh đạo ngân hàng nên giới hạn trạng thái ngoại hối của từng loại ngoại tệ vào cuối mỗi ngày giao dịch. Ngân hàng có thể so sánh trạng thái ngoại hối với vốn tự có, hoặc với tổng tài sản có. Với giải pháp này, ngân hàng sẽ xác định được mức lỗ có thể xảy ra và giới hạn nó trong khả năng chịu đựng rủi ro tối đa của ngân hàng. Ngoài ra, biện pháp này còn nhằm mục đích đảm bảo chắc chắn rằng lỗ về tỷ giá không làm nguy hại đáng kể đến độ an toàn trong kinh doanh của ngân hàng.

(2) Đối với các ngoại tệ dễ biến động về tỷ giá và khó chuyển đổi, ngân hàng nên duy trì trạng thái ngoại hối thuần thấp hơn so với các ngoại tệ ổn định và dễ chuyển đổi.

(3) Khi đồng bản tệ mất giá, ngân hàng hạn chế tối đa để các ngoại tệ, đặc biệt là ngoại tệ mạnh ở trạng thái doanh và không nên để các ngoại tệ dễ mất giá, khó chuyển đổi ở trạng thái trường.

(4) Bên cạnh việc xác định trạng thái ngoại hối của từng loại ngoại tệ ngân hàng còn tính tổng trạng thái của các loại ngoại tệ nữa. Các nhà quản trị ngân hàng có thể sử dụng một trong ba phương pháp sau để xác định tổng trạng thái ngoại của ngân hàng:

Tổng trạng thái ngoại hối thuần là số cộng tất cả trạng thái ngoại hối thuần của các ngoại tệ có tình thế trường và doanh. Phương pháp này dựa trên nguyên lý, ở cùng một thời điểm mọi trạng thái ngoại hối đều có thể dẫn đến thua lỗ khi tỷ giá biến động theo hướng bất lợi đối với trạng thái ngoại hối hiện có của ngân hàng.

Giả sử, tỷ giá hiện tại của các loại ngoại tệ hiện nay như sau:

Tỷ giá (VND/USD)	= 13.955
Tỷ giá (VND/DEM)	= 7400
Tỷ giá (VND/JPY)	= 124
Tỷ giá (VND/FRF)	= 2250

Trạng thái ngoại hối thuần của các loại ngoại tệ trong bảng được quy thành VND như sau (ngàn đồng)

USD: $(-358) \times 13.955 = -4.995.890$ ngàn đồng

DEM: $(+166) \times 7.400 = +1.228.400$ ngàn đồng

JPY: $(+45.000) \times 124 = +5.580.000$ ngàn đồng

FRF: $(+90) \times 2250 = +202.500$ ngàn đồng

Tổng trạng thái ngoại hối trường thuần là:

$1.228.400 + 5.580.000 + 202.500 = 7.010.900$ ngàn đồng

Tổng trạng thái ngoại hối doanh thuần là:

$4.995.890$ ngàn đồng

Tổng trạng thái ngoại hối thuần của ngân hàng A là:

$7.010.900 + 4.995.890 = 12.006.790$ ngàn đồng

Tổng trạng thái ngoại hối của ngân hàng là hiệu số của tất cả trạng thái ngoại hối trường và tất cả trạng thái ngoại hối doanh. Phương pháp này dựa trên nguyên tắc cho rằng rủi ro giữa các ngoại tệ có thể bù đắp cho nhau, lãi JPY bù cho lỗ USD, như vậy chỉ còn lại rủi ro giữa ngoại tệ và bản tệ.

Theo phương pháp này tổng trạng thái ngoại hối thuần của ngân hàng A là:

$7.010.900 - 4.995.890 = 2.015.010$ ngàn đồng

II. GIAI ĐOẠN HAI: THIẾT LẬP CÁC BIỆN PHÁP NHẪM PHÒNG NGỪA RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Giai đoạn này là một tiến trình toàn diện, trong đó các nhà quản trị buộc phải quan tâm thường xuyên đến tình thế ngoại hối của ngân hàng mình. Để kiểm soát rủi ro do tỷ giá mang lại, các ngân hàng thường sử dụng các giải pháp sau:

1. Giải pháp chiến lược

Giải pháp này phát sinh từ các nghiệp vụ vốn có của hầu hết các ngân hàng thương mại là hoạt động cho vay và huy động vốn. Muốn áp dụng hiệu quả giải pháp này, các nhà quản trị ngân hàng phải điều chỉnh các khoản cho vay

và huy động vốn ngoại tệ một cách sáng suốt, tinh táo có kết hợp với việc nghiên cứu sự biến động của thị trường trong nước và quốc tế. Trong thực tế, biện pháp này đã được các ngân hàng thương mại thường xuyên áp dụng. Chẳng hạn, ở Việt Nam trong những năm 1994 - 1996, tỷ giá (VND/USD) tương đối ổn định, các ngân hàng thương mại đã chuyển một số USD khá lớn thành các khoản tín dụng bằng VND để hưởng khoản lợi nhuận đặc biệt do sự chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền mang lại. Trong thời điểm này, nhiều ngân hàng thương mại duy trì trạng thái ngoại hối âm (doanh thế) về USD. Đến giữa năm 1997, khi USD có dấu hiệu lên giá, các ngân hàng có trạng thái ngoại hối ở tình thế doanh đã làm giảm khoảng chênh lệch giữa tài sản có USD và tài sản nợ USD của mình bằng cách: tăng các khoản dự trữ bằng USD; hạn chế việc chuyển đổi USD thành các khoản tín dụng VND; thu hút các nguồn tiền gửi USD v.v.. Kết hợp với một số chính sách về quản lý ngoại hối của Nhà nước, các biện pháp trên đã giúp các ngân hàng thương mại vượt qua cuộc khủng hoảng về tài chính. Tuy nhiên, biện pháp này đòi hỏi nhà quản trị một thời gian tương đối dài để có thể biến ý tưởng thành hiện thực. Vì vậy, nó thường được dùng để khắc phục các rủi ro tương đối dài hạn.

2. Giải pháp chiến thuật

Trong trường hợp các giải pháp chiến lược diễn ra ngoài dự kiến, các nhà quản trị ngân hàng sẽ áp dụng các biện pháp chiến thuật. Biện pháp chiến thuật bắt nguồn từ các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn (Futures, Swaps, Options). Cụ thể, nếu một ngân hàng đang ở trạng thái trường về USD nhưng ngân hàng dự đoán trong ba tuần sau USD sẽ giảm giá, để đối phó với rủi ro này, ngân hàng sẽ thực hiện các giao dịch bán USD có kỳ hạn ba tuần ở thị trường tiền tệ. Giả sử ba tuần sau, USD hạ giá như dự đoán, ngân hàng đã giảm được một khoản thiệt hại đáng kể về ngoại hối. Biện pháp này thường được dùng để hạn chế các rủi ro trung hạn.

3. Giải pháp kinh doanh

Bên cạnh mục đích tìm kiếm lợi nhuận, các ngân hàng thương mại còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình nữa. Trong thực tế, các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy bén và có một vai trò rất lớn; bởi vì, nó giúp cho nhà quản trị giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong vài phút. Điểm cần lưu ý khi áp dụng giải pháp này là nếu các biện pháp chiến lược và chiến thuật do các nhà quản trị cấp cao và cấp trung thực hiện thì biện pháp kinh doanh lại do một vài nhân viên cấp thấp thi hành. Chính vì đặc điểm trên, ban giám đốc ngân hàng cần phải quản lý liên tục, phải thiết lập các tình thế cụ thể và phải giới hạn mức lỗ tối đa cho từng nhân viên để họ có thể chủ động đưa ra lệnh mua, lệnh bán hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn trong kinh doanh.

Do có sự khác biệt về mức độ phát triển của thị trường tài chính của từng nước, chính sách quản lý ngoại hối của mỗi quốc gia, cũng như năng lực quản lý của từng ngân hàng nên việc áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro tỷ giá hối đoái giữa các ngân hàng trên thế giới cũng khác nhau. Ngân hàng ở các nước đang phát triển thường áp dụng các biện pháp chiến lược để hạn chế rủi ro tỷ giá. Trong khi tại các nước có thị trường tài chính phát triển, các ngân hàng lớn thích áp dụng các biện pháp chiến thuật, biện pháp kinh doanh để kiểm soát tỷ giá. Mỗi biện pháp đều có những mặt mạnh, điểm yếu riêng. Do đó, việc áp dụng khoa học, sáng suốt các biện pháp kiểm soát nhằm đưa ngân hàng vượt qua rủi ro tỷ giá hối đoái là việc làm mà thiết nghĩ các nhà quản trị ngân hàng nên quan tâm; đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay - giai đoạn Việt Nam vừa chuyển đổi từ cơ chế tỷ giá cố định sang cơ chế tỷ giá thả nổi có sự quản lý của Nhà nước ■